

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Sinh.

2. Bà Dương Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 255/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1981;

- Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện K, tỉnh Đồng Tháp

Chị T, anh H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-11-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2001 chị T và anh H sống chung với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 09-10-2002, vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Mỹ Tr, sinh ngày 05-02-2002; Nguyễn Thị Mỹ M, sinh ngày 29-05-2005; Nguyễn Gia B, sinh ngày 17-10-2015. Trong thời gian

vợ chồng sống chung có hạnh phúc nhưng dần dần về sau thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên uống rượu, có hành động đánh chị T nhiều lần, từ đó tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không thể chung sống lâu dài nên vào tháng 02 năm 2017 và tháng 7 năm 2017 chị T đã khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng chị T đều rút đơn để cho anh H cơ hội sửa chữa lỗi lầm, vợ chồng về hàn gắn tình cảm nhưng anh H vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị khởi kiện yêu cầu giải quyết:

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

+ Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T thống nhất giao 03 con chung cho anh H nuôi dưỡng nhưng tại phiên tòa chị T thay đổi ý kiến thống nhất giao 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ Tr, sinh ngày 05-02-2002; Nguyễn Thị Mỹ M, sinh ngày 29-05-2005 cho anh H nuôi dưỡng, còn Nguyễn Gia B, sinh ngày 17-10-2015 chị T yêu cầu nuôi dưỡng (Hiện nay 03 con chung đang sống với anh H); Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Văn H trình bày:* Vào năm 2001 anh H và chị T sống chung với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 09-10-2002. Trong thời gian vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, nhưng do chị T tham gia tệ nạn xã hội nên vợ chồng có cự cãi qua lại với nhau nên trong lúc nóng giận anh H có đánh chị T vài lần, nên vào năm 2017 chị T có khởi kiện yêu cầu ly hôn 02 lần và chị T đã rút đơn vợ chồng về sống lại với nhau, đến tháng 9-2018 thì nảy sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân và đến tháng 11 chị T khởi kiện xin ly hôn, nhưng anh H không thống nhất vì rất thương vợ và không muốn con anh khổ. Nên qua yêu cầu của chị T anh có ý kiến:

+ Về tình cảm: Không thống nhất ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

+ Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ Tr, sinh ngày 05-02-2002; Nguyễn Thị Mỹ M, sinh ngày 29-05-2005; Nguyễn Gia B, sinh ngày 17-10-2015 (Hiện nay 03 con đang sống với anh H). Nếu Tòa án quyết định cho ly hôn thì anh H yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa tuy nhiên vẫn còn có sai sót như sau:

+ Tòa án có thu thập tài liệu, chứng cứ tại bút lục số 42 ngày 31-01-2019 nhưng không thông báo thu thập tài liệu chứng cứ cho đương sự biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình là vi phạm theo khoản 5 Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tòa án tiến hành lấy lời khai của đương sự tại bút lục số 28, 29 nhưng không đóng dấu giáp lai là vi phạm khoản 2 Điều 98 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H.
- Về con chung: Giao 03 con chung Nguyễn Thị Mỹ Tr, sinh ngày 05-02-2002; Nguyễn Thị Mỹ M, sinh ngày 29-05-2005; Nguyễn Gia B, sinh ngày 17-10-2015 cho anh H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (hiện 03 cháu Tr, M, B đang sống với anh H). Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 12-11- 2018 chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H và tranh chấp nuôi con, nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật về ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Căn cứ theo khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 09-10-2002 nên hôn nhân của chị T và anh H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*”. Nhận thấy trong thời gian chung sống giữa chị T và anh H có mâu thuẫn, vì anh H uống rượu và có hành động đánh chị T nhiều lần, vợ chồng đã ly thân từ tháng 09 năm 2018 đến nay, chị T đã nhiều lần nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án và đã rút đơn về để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được, hơn nữa Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn. Do đó nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, chị T và anh H được ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Xét thấy đối với 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ Tr, sinh ngày 05-02-2002; Nguyễn Thị Mỹ M, sinh ngày 29-05-2005, chị T và anh H đều thống nhất giao cho anh H nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr và M nên công nhận sự tự nguyện này của các bên.

Còn đối với con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 17-10-2015 cả chị T và anh H đều có nguyện vọng nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy Gia B đang sống

chung với anh H từ tháng 02 năm 2019 đến nay cuộc sống cháu B vẫn ổn định và phát triển bình thường và hiện 03 con chung đang sống chung với anh H nên nhận thấy nếu tách một cháu ra sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu. Hơn nữa chị T thừa nhận hiện nay chị không có nghề nghiệp và không có thu nhập, chị có tham gia tệ nạn xã hội nên nếu giao cháu B cho chị T sẽ không đảm bảo được cuộc sống của Gia B. Vì vậy cần giữ ổn định hoàn cảnh sống của cháu B nên giao Nguyễn Gia B cho anh H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu, chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng:

- Về tố tụng: Viện kiểm sát cho rằng có vi phạm nhưng không có kiến nghị trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với các ý kiến này của Viện kiểm sát.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Vậy Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm; Anh Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

- Về con chung: Giao 03 con chung Nguyễn Thị Mỹ Tr, sinh ngày 05-02-2002; Nguyễn Thị Mỹ M, sinh ngày 29-05-2005; Nguyễn Gia B, sinh ngày 17-10-2015 cho anh H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (hiện 03 cháu Tr, M, B đang sống với anh H). Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không có yêu cầu, chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BG/2015 0002154 ngày 26-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23-5-2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Ngọc Oanh